

Số: /BC-DKTB

Thái Bình, ngày tháng 04 năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO
VỀ VIỆC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.

Căn cứ Quyền và Nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 168 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2010 và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi bổ sung ngày 29/04/2021;

Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Thái Bình(PVOIL Thái Bình)

Ban kiểm soát PVOIL Thái Bình kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của BKS năm 2021 và kế hoạch hoạt động trong năm 2022 như sau:

I. Về cơ cấu tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Cơ cấu tổ chức.

Ban Kiểm soát đơn vị gồm 03 thành viên do Đại hội Cổ đông C.ty bầu, gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Trưởng ban kiểm soát
2. Ông Phạm Ngọc Anh - Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thành viên

Trưởng BKS làm việc theo chế độ chuyên trách hưởng lương theo quy chế trả lương trả thưởng của Công ty, 02 Kiểm soát viên hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm nhận thù lao theo mức lương ĐHCĐ phê duyệt hàng năm.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của BKS.

Trong năm 2021 được sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty, BKS công ty đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động của Ban như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.

- Kiểm soát việc thực hiện điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của HĐQT và ban Giám đốc Công ty; Kiểm soát tính tuân thủ các quy định của Nhà nước; quy định, quy chế nội bộ của Công ty tại các Phòng, đơn vị, bộ phận trực thuộc Công ty.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

- Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban giám đốc Công ty về công tác quản trị điều hành Công ty, đề xuất ý kiến với Ban điều hành các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro trong công tác quản lý tài chính, quản lý hàng hoá...

- BKS Công ty đã triển khai thực hiện các công việc theo đúng kế hoạch đã trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của kiểm soát viên

3.1 Trưởng ban kiểm soát;

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS trình Đại hội đồng CĐ thường niên thông qua.

- Thực hiện kiểm tra giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại HĐCĐ, Quy chế, quy định, Chỉ thị của HĐQT, Ban Giám đốc.

- Thực hiện giám sát việc tổ chức hoạt động SXKD, việc thực hiện chính sách bán hàng, Công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý hàng hoá đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước, Tổng công ty và Công ty, phát hiện và cảnh báo rủi ro tiềm ẩn.

3.2 Kiểm soát viên;

- Phối hợp với trưởng BKS trong việc giám sát HĐQT, Ban giám đốc việc chấp hành Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, Quy chế, quy định..

- Phối hợp với TBKS giám sát tình hình thực hiện chính sách bán hàng, công tác tài chính kế toán, công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tham gia đóng góp ý kiến, kiến nghị tới HĐQT, Ban giám đốc thông qua TBKS

4. Về thù lao, lương và lợi ích khác của thành viên BKS

Công ty thực hiện chi trả thù lao, lương và các lợi ích khác cho thành viên BKS theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021, cụ thể như sau:

Stt	Họ tên	Số người	Thực hiện 2021	Ghi chú
2	Trưởng BKS	01	286,165,400	
1	TV BKS chuyên trách	02	32,000,000	
	Tổng cộng		318,165,400	

II – Kết quả hoạt động kiểm tra giám sát năm 2021.

1. Đối với công tác quản lý của HĐQT

- HĐQT định hướng phát triển Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định về chủ trương, chính sách trong các lĩnh vực hoạt động SXKD trong từng thời điểm, từng giai đoạn. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ các nội dung NQ của Đại HĐCĐ, đúng thẩm quyền theo điều lệ công ty, phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Trong năm HĐQT đã ban hành và sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với yêu cầu và thực tế hoạt động SXKD, Nội dung các quy chế, quy định do HĐQT ban hành là cụ thể hoá các quy định của Nhà nước theo điều kiện thực tế và đặc thù của đơn vị, tạo hành lang pháp lý cho các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

- HĐQT giám sát hoạt động của Công ty thông qua công tác kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ thực hiện của Ban điều hành đối với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các NQ, QĐ, Chỉ thị, quy chế, quy định của Công ty.

- Năm 2021 HĐQT đã tổ chức họp các phiên theo quy định với các nội dung về công tác sản xuất kinh doanh các quý và năm, phê duyệt đơn giá tiền lương, quỹ lương; Quản lý hàng hóa, thu hồi công nợ,...vv

2. Công tác điều hành của Ban giám đốc

- Ban Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty tuân thủ kế hoạch SXKD năm theo NQ của ĐHĐCĐ, tuân thủ các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ các quy định của Nhà nước, quy chế, quy định của TCT và Công ty.

- Ban Giám đốc thực hiện công tác điều hành theo đúng thẩm quyền và phân cấp, tuân thủ quy chế điều hành, và quy chế phối hợp HĐQT- Giám đốc.

Trong năm vừa qua Giám đốc Công ty đã xây dựng và ban hành sửa đổi bổ sung các quy định, quy trình điều hành hoạt động SXKD, đồng thời sửa đổi bổ sung một số các quy định quy trình cho phù hợp điều kiện thực tế hoạt động SXKD, phù hợp với yêu cầu quản lý và điều hành Công ty.

III- Kết quả hoạt động SXKD năm 2021.

1. Các chỉ tiêu sản lượng bán hàng

ĐVT m3/tấn

Kênh tiêu thụ	Kế hoạch		Thực hiện		% TH/KH
	Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	
TNPP/ TNNQ/TĐL	28.000	44,4%	42.446	56,6%	151,6%
KHCN	12.000	19,1%	11.502	15,3%	95,9%

CHXD	23.000	36,5%	21.103	28,1%	91,8%
Tổng cộng	63.000	100%	75.051	100%	119,1%

2. Các chỉ tiêu tài chính

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT KH
1	Doanh thu	Tỷ đồng	619	978,49	158 %
2	Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	38,7	42,23	109%
3	Chi phí hoạt động	Đồng/lít	505	462	91,5%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,5	3,2	128%

3. Cơ cấu vốn của đơn vị

- Số vốn góp và cơ cấu vốn góp của các cổ đông đến ngày 24/03/2022 như sau:

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Giá trị (trồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Tổng công ty DVN	7.412.001	74.120	68
2	Cổ đông Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	1.199.000	11.990	11
3	Cổ đông Công ty cổ phần quản lý Quỹ Leadvisors	381.500	3.815	3,5
4	Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long	1.842.000	18.420	16,9
5	Cổ đông khác	65.499	655	0,6
Tổng cộng:		10.900.000	109.000	100

4. Về nguồn hàng và thực hiện phân công thị trường

- Theo chính sách bán hàng của TCT, PVOIL Thái Bình được TCT cho phép trả chậm tiền hàng tối đa 30 ngày với mức dư nợ khoảng trên 30 % Doanh thu tiêu thụ bình quân của 03 tháng liền kề. Với số vốn hiện tại của Công ty và hạn mức công nợ được TCT cấp, đảm bảo nhu cầu vốn trong hoạt động SXKD với quy mô hoạt động như hiện nay của Công ty.

- Nguồn hàng nhập chủ yếu từ TCT chiếm (85%);

- Tổng sản lượng hàng nhập của TCT chiếm 100% theo hợp đồng mua tối thiểu của TCT, nguồn hàng còn lại (15%) được mua từ các ĐVKD trong hệ thống và các đầu mối khác, để có thêm nguồn từ bên ngoài hệ thống PV Oil Thái Bình đã sử dụng

nguồn vốn vay ngắn hạn ngân hàng, và nguồn vốn lưu động của Công ty hoặc từ nguồn tiền khách hàng mua trả trước trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả, chất lượng hàng đảm bảo, tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước về kinh doanh xăng dầu.

- Công tác bán hàng theo thị trường được phân công, thực hiện đúng các quy định khi bán hàng cho các khách hàng tiêu thụ trực tiếp hay khách hàng truyền thống trên địa bàn giáp ranh cụ thể PVOIL Thái Bình thực hiện thông báo cho ĐVKD phụ trách địa bàn chính và giáp ranh.

5. Tính pháp lý của hợp đồng bán hàng

- Về cơ bản các khách hàng Đại lý, khách hàng Công nghiệp, các đơn vị tiêu thụ trực tiếp đều được ký hợp đồng trước khi bán hàng. Việc ký hợp đồng được thực hiện đúng thẩm quyền và được quản lý lưu trữ. Trong quy trình thực hiện ký hợp đồng còn một số hạn chế về thủ tục cấp hạn mức nợ cho khách hàng mua theo hình thức trả chậm đôi khi còn chậm chưa kịp thời.

6. Tình hình thực hiện công tác Đầu tư

- Trong năm đơn vị đã tìm kiếm các cơ hội đầu tư tại các thị trường được phân công, và cụ thể đã thuê mới 01 Cửa hàng XD.

- Đồng thời PVOIL Thái Bình cũng đã tiến hành rà soát cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất hạ tầng trang thiết bị tại hệ thống CHXD theo yêu cầu của đề án 1114 góp phần nâng cao sản lượng khối KD bán lẻ trị giá (1,054 tỷ đồng)

- Tiến hành sửa chữa cải tạo kho trung chuyên xăng dầu trị giá 1,029 tỷ đồng

- Trong năm Công ty vẫn tiếp tục tiến hành xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CHXD Mỹ lộc và Lam Sơn tuy nhiên đến thời điểm hiện tại vẫn chưa xong

7. Công tác quản lý tài chính

- Công ty kiểm soát tốt việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, tuân thủ các quy định của TCT, công ty về công tác tài chính.

- Kiểm soát tốt và an toàn các khoản công nợ phải thu, quản trị dòng tiền không bị chiếm dụng vốn trong kinh doanh,

- Trong công tác bán hàng và quản lý nợ tín chấp Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc thẩm định và cấp hạn mức nợ cho khách hàng (cả về thời gian và giá trị) Trong năm không để phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi. Số nợ khó đòi từ năm 2014 đã thu hồi xong hết.

8. Công tác tổ chức quản lý

- Hiện tại với mô hình một văn phòng và một chi nhánh Công ty đã triển khai các giải pháp nhằm củng cố và kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng gọn nhẹ, nâng cao hiệu quả quản lý điều hành, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các phòng, đơn vị, xây dựng quy trình nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả công việc.

- Công ty đã xây dựng và ban hành được hệ thống gồm: Quy chế, quy định, quản lý nội bộ đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành của Công ty, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh nâng cao hiệu quả và an toàn trong quản lý sử dụng vốn và tài sản của Công ty.

- Thực hiện quy chế tiền lương theo tiêu chuẩn, chức danh và mức độ hoàn thành công việc, đồng thời khoán lương cho từng bộ phận, đơn vị, CHXD tạo tính chủ động, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc.

- Thường xuyên tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy chế, quy định phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu quản lý.

9. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS và HĐQT, Ban giám đốc

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng chức năng đã thực hiện tốt việc cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tiếp cận tài liệu, nắm bắt thông tin phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ.

- BKS đã tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc nên nắm bắt đầy đủ kịp thời các thông tin về tình hình hoạt động SXKD của đơn vị.

IV. Tình hình thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021.

1. Cơ sở lập BCTC.

- Báo cáo tài chính được trình bày bằng (VNĐ) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

- Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động của Công ty từ ngày 1/01/2021 đến ngày 31/12/2021 biểu mẫu báo cáo thực hiện theo thông tư 200/2014/TT- BTC ban hành ngày 22/12/2014 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2015.

2. Tình hình Tài sản và nguồn vốn

Tài sản	Ngày 31/12/2021	Ngày 31/12/2020
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	74.546.252.656	51.447.280.328
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	8.413.284.260	4.165.840.964
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	39.228.580.362	25.554.964.852
3. Hàng tồn kho	26.572.501.596	21.320.984.635
4. Tài sản ngắn hạn khác	331.886.438	405.489.877
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	79.454.046.363	81.599.742.467
1. Các khoản phải thu dài hạn	221.988.000	221.988.000
2. Tài sản cố định	70.060.130.192	75.594.889.719
3. Tài sản dở dang dài hạn	0	739.481.573

4. Tài sản dài hạn khác	9.171.928.171	5.043.383.175
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	154.000.299.019	133.047.022.796
I. NỢ PHẢI TRẢ	42.149.052.349	23.877.299.112
1. Nợ ngắn hạn	41.524.552.349	23.414.799.112
2. Nợ dài hạn	624.500.000	462.500.000
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	111.851.246.670	109.169.723.684
1. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	111.851.246.670	109.169.723.684
2. Quỹ đầu tư phát triển	1.388.795.231	1.388.795.231
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.462.451.439	(1.219.071.547)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	154.000.299.019	133.047.022.796

3. Tình hình kết quả kinh doanh năm 2021.

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	978.495.761.192	547.572.439.832
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3. DT thuần bán hàng và cung cấp DV	978.495.761.192	547.572.439.832
4. Giá vốn hàng bán	932.964.413.775	514.712.342.259
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp DV	45.531.347.417	32.860.097.573
6. Doanh thu hoạt động tài chính	548.806.615	441.496.092
7. Chi phí tài chính		51.369.863
- Chi phí lãi vay		51.369.863
8. Chi phí bán hàng	32.518.731.282	26.749.967.941
9. Chi phí quản lý DN	9.713.526.048	7.073.643.813
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	3.847.896.702	(573.387.592)
11. Thu nhập khác	710.915.400	42.214.139
12. Chi phí khác	1.310.734.454	196.571.429
13. Lợi nhuận khác	(599.819.054)	(154.357.290)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.248.077.648	(727.745.242)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	566.554.662	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.681.522.986	(727.745.242)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	246	(67)

V. Kiến nghị:

1. Hoạt động SXKD

- Với tỷ trọng bán lẻ chiếm 28% tổng SL, đây là kênh mang lại hiệu quả nhất cho Công ty, tuy nhiên lại đạt tỷ lệ thấp nên đề nghị HĐQT, Ban GD tập trung nguồn lực phát triển hệ thống CHXD bằng nhiều hình thức, áp dụng các biện pháp, chính sách dài hạn để gia tăng sản lượng, nâng cao tỷ trọng bán lẻ góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Định kỳ C.ty tổ chức rà soát đánh giá sản lượng thực tế của từng khách hàng, điều chỉnh hạn mức công nợ phù hợp, và tránh tình trạng chiếm dụng nợ đọng vốn.

- Tất cả các trường hợp bán hàng trả chậm phải thực hiện khảo sát khách hàng, thẩm định, phê duyệt hạn mức nợ và ký hợp đồng theo đúng quy định.

- Rà soát xem xét tình hình thực hiện bán hàng tín chấp, không để công nợ quá hạn tín chấp cao gây tiềm ẩn rủi ro và ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của C.ty.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý nợ phải thu nhất là quy định không được bán vượt định mức, vượt giá trị BLNH và bán hàng trả trước nhưng có nợ.

- Cần tích cực đôn đốc thu hồi biên bản đối chiếu kịp thời đảm bảo tích xác thực của khoản nợ phải thu và đảm bảo tính khả thi của BLNH có điều kiện.

2. Hoạt động đầu tư

- Đa dạng hoá các hình thức phát triển hệ thống CHXD, mua, thuê, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh... để tăng số lượng cửa hàng.

- Công ty cần tập trung hoàn thiện các thủ tục hồ sơ pháp lý để giảm thiểu rủi ro phát sinh liên quan đến quyền sở hữu đất và tài sản trên đất.

3. Công tác tổ chức

- Định kỳ tổ chức đánh giá tính khả thi và hiệu lực của các quy chế, quy định đã ban hành. Tổ chức bộ phận tiếp nhận những phản hồi, tổng hợp, đánh giá hiệu quả việc thực hiện của các quy chế, quy định, quy trình để có những sửa đổi bổ sung hoặc điều chỉnh cho phù hợp.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát việc thực hiện các quy định, quy trình, quy chế của Công ty, sửa đổi bổ sung đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý kinh doanh.

4. Công tác tài chính

- Đảm bảo hoàn thành việc xác nhận bảo lãnh của các ngân hàng trước khi thực hiện bán hàng tránh rủi ro khi chứng thư bảo lãnh không hợp lệ, hợp pháp.

- Tăng cường kiểm soát đối với công tác quản lý nợ phải thu, đảm bảo không phát sinh nợ vượt hạn mức cả về giá trị và thời gian.

VI. Đánh giá chung hiệu quả kinh doanh;

- Năm 2021 giá xăng dầu có số lần biến động là 21 lần, tỷ giá biến động bình quân giảm so với năm 2020, xăng giảm 7 lần (Bình quân giảm 611 đ/lit) và tăng 14

lần (Bình quân tăng 313 đ/lit), dầu giảm 8 lần (Bình quân giảm 456 đ/lit) và tăng 13 lần (Bình quân tăng 578 đ/lit).

- Kết quả kinh doanh xăng dầu năm 2021 đơn vị cơ bản đạt các chỉ tiêu kế hoạch, lợi nhuận đề ra, đó cũng là sự cố gắng rất lớn của việc Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm sát sao chỉ đạo kịp thời trước những diễn biến thay đổi liên tục của giá xăng dầu trong nước và diễn biến phức tạp của đại dịch bệnh covid 19, đơn vị cũng đã làm rất tốt công tác quản lý hàng tồn kho tại các thời điểm.

- Hoạt động của CHXD: Năm 2021 có 17 CHXD hoạt động. Tổng SL tiêu thụ là 21.103 chiếm 28% tổng SL, và bằng 91,8% KH năm , LN trước thuế là 9,65 tỷ đ.

- Công tác quản lý nợ tại CHXD còn có những hạn chế như: luôn có công nợ vượt hạn mức do công tác bán hàng chưa tuân thủ đúng theo hợp đồng đã ký kết, và đúng theo hạn mức đã phê duyệt.

VII. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022:

- Giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý điều hành công ty.
- Giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy chế của Công ty, Tổng công ty và các quy định của Pháp luật trong hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, Ban giám đốc.
- Giám sát việc chấp hành của Ban Giám đốc đối với các nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT.
- Giám sát công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư, xây dựng mới CHXD, Giám sát tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác, quyết toán từng công trình.
- Giám sát việc tổ chức thẩm định giá, đàm phán giá chuyển nhượng, giám sát thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất khi mua lại CHXD.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 đã được HĐQT phê duyệt.
- Giám sát việc tuân thủ quy chế bán hàng của TCT, quy chế quản lý hàng hoá tại kho và cửa hàng xăng dầu.
- Kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế khoán đối với các đơn vị, bộ phận
- Thẩm định các báo cáo hoạt động SXKD.
- Giám sát việc quản lý và sử dụng vốn và tài sản của Công ty.
- Kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, tình hình quản lý sử dụng tài sản, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, việc chấp hành các quy chế, quy định, nội bộ của công ty tại các Chi nhánh và CHXD.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ thực hiện quy chế tài chính, quy chế quản lý tiền hàng, công nợ

Trên đây là báo cáo hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Công ty trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- TCT Dầu VN-CTCP (b/c);
- KSNB TCT; (b/c);
- HĐQT, Ban GD (để p/h t/h)
- Lưu: VT, NTTTT (01 bản).

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Thanh Thủy